

Nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bế Hồng Cúc

Trưởng Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Trong 10 năm huyện Đại Từ thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn (LĐNT) và xây dựng nông thôn mới, đồng thời gắn dạy nghề với giải quyết việc làm, nhiều người đã có việc làm ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn bộc lộ những hạn chế trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT. Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn huyện Đại Từ giai đoạn 2010-2019, bài viết sẽ tập trung làm nổi bật các thành tựu, hạn chế, chỉ rõ các nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề giải quyết việc làm cho LĐNT thời gian tới.

1. Đặt vấn đề

Chính quyền huyện Đại Từ đã thực hiện đúng và đầy đủ các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT theo quy định của nhà nước, bám sát định mức kinh phí hỗ trợ của nhà nước để tổ chức thực hiện. Giai đoạn 2010 - 2019, toàn huyện đã tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo nghề cho 11.470 lao động nông thôn, trong đó có 8.501 lao động làm đúng với nghề được đào tạo (chiếm 74%). Tuy vậy, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong các nhóm ngành nghề diễn ra nhanh chóng như hiện nay, công tác đào tạo nghề cho LĐNT đang đặt ra yêu cầu phải có chương trình đào tạo mới, đáp ứng yêu cầu công việc, phù hợp với sự thay đổi của chuyển đổi cơ cấu ngành nghề. Để làm rõ thực trạng công tác đào tạo nghề, cũng như những hạn chế vẫn còn tồn tại trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT, qua đó đề xuất các giải pháp đầy mạnh hiệu quả công tác đào tạo nghề, tác giả đã lựa chọn đề tài: “Nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho LĐNT tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên” để nghiên cứu.

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.1. Kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2019

Giai đoạn 2010 - 2015, toàn huyện đã tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo nghề cho 9.120 LĐNT, trong đó số người học nghề nông nghiệp: 3.300 lao động; học nghề phi nông nghiệp: 5.820 lao động. Giai đoạn 2016 — 2019, chính quyền huyện đã tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo nghề cho 7.180 LĐNT, trong đó số người học nghề nông nghiệp: 1.616 lao động; học nghề phi nông nghiệp: 5.564 lao động. Tỷ lệ LĐNT có việc làm sau đào tạo nghề tăng từ 70% lên 82,3%.

Bảng 1: Bảng thống kê về đào tạo nghề cho LĐNT huyện Đại Từ, 2010-2019

| | Đơn vị | 2010-2015 | 2016-2019 |
|---|--------|-----------|-----------|
| Tổng dân số | Người | 164.958 | 171.280 |
| Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động hàng năm | Người | 100.747 | 102.235 |
| Tổng số LĐNT được tuyển sinh đào tạo nghề | Người | 9.120 | 7.180 |
| Chia theo lĩnh vực | | | |
| Nông nghiệp | Người | 3.300 | 1.616 |
| Phi nông nghiệp | Người | 5.820 | 5.564 |
| Chia theo địa phương | | | |
| Lao động nội | Người | 6.384 | 1.448 |
| Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng | Người | 2 | 46 |
| Người dân tộc thiểu số | Người | 450 | 415 |
| Người thuộc hộ nghèo | Người | 12 | 16 |
| Người thuộc hộ cận nghèo | Người | 100 | 163 |
| Người khuyết tật | Người | 10 | 0 |
| LĐNT khác | Người | 2.515 | 5.092 |
| Chia theo trình độ đào tạo | | | |
| LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ sơ cấp | Người | 8690 | 6656 |
| LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp | Người | 440 | 524 |
| Tổng số LĐNT có việc làm sau học nghề | Người | 6.384 | 5.071 |
| Chia theo lĩnh vực | | | |
| Nông nghiệp | Người | 2.310 | 1.524 |
| Phi nông nghiệp | Người | 4.074 | 4.449 |
| Chia theo loại hình công việc | | | |
| LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động | Người | 4.674 | 4.449 |
| LĐNT được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao thầu sản phẩm | Người | 59 | 84 |
| LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng nâng suất lao động, thu nhập tăng lên | Người | 2.162 | 1.380 |
| LĐNT thành lập doanh nghiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ nhóm sản xuất | Người | 89 | 60 |
| Tỷ lệ LĐNT qua đào tạo nghề | % | 9,08 | 7,02 |
| Tỷ lệ LĐNT có việc làm sau đào tạo nghề | % | 70,0 | 83,2 |

Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH huyện Đại Từ

Có thể thấy tỉ lệ lao động làm việc trong ngành nông nghiệp đang có xu hướng giảm dần, do sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế tác động không nhỏ tới sự chuyển dịch cơ cấu lao động cũng như cấu trúc phi nông nghiệp, cũng với việc xuất hiện hàng loạt các doanh nghiệp trên địa bàn huyện với cấu trúc tuyển dụng công nhân lớn. Lao động nông nghiệp sau đào tạo (kỹ thuật sản xuất chế biến chè, chăn nuôi, trồng trọt và phòng trị bệnh cho cây trồng vật nuôi...) đã được phát huy, tăng thu nhập và cải thiện đời sống.

góp phần giảm nghèo. Lao động phi nông nghiệp phần lớn sau khi đào tạo tham gia ứng tuyển vào làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn huyện với các nghề may công nghiệp, tin học, điện, sửa chữa máy nông nghiệp, sản xuất và chế biến gỗ...

2.2. Thực trạng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại huyện Đại Từ

Trong giai đoạn 2010-2019, Huyện Đại Từ đã tổ chức được 382 lớp đào tạo nghề (257 lớp đào tạo nghề nông nghiệp, 125 lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp); đồng thời xây dựng kế hoạch và giao chỉ tiêu đào tạo nghề cho LĐNT các xã, thị trấn gắn với giải quyết việc làm; ban hành các văn bản chỉ đạo 30 xã, thị trấn kiện toàn ban chỉ đạo (BCD) thực hiện Đề án đào tạo nghề cho LĐNT giai đoạn 2010 - 2020 và tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác dạy nghề trên địa bàn. Việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn huyện giai đoạn 2010-2019 cụ thể như sau:

i) *Điều tra, khảo sát, phê duyệt danh mục nghề và định mức chi phí đào tạo.* Hàng năm, BCD đã triển khai điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề của người lao động trên địa bàn huyện. Việc khảo sát được tiến hành trên tổng số hộ gia đình, khảo sát số người trong độ tuổi lao động và tổng số lao động có nhu cầu học nghề. Tuy nhiên, trên thực tế, LĐNT chỉ có nhu cầu tham gia các lớp đào tạo trình độ sơ cấp (hơn 90%) và số còn lại tham gia các lớp đào tạo trên dưới 3 tháng. Các xã chủ động khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, căn cứ tình hình phát triển kinh tế-xã hội của các xã, thị trấn để phê duyệt kế hoạch dạy nghề cho LĐNT của huyện.

ii) *Tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn:* UBND huyện đã tổ chức tuyên truyền tới người lao động bằng hình thức tổ chức các hội nghị với 32 buổi và trên 3.000 lượt người tham dự; triển khai Kế hoạch tới cán bộ cấp huyện, cấp xã với trên 200 lượt người dự; triển khai kế hoạch điều tra, khảo sát và tuyên truyền về quan điểm, mục tiêu của đề án cho 575 người dự.

iii) *Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đội ngũ quản lý dạy nghề.* Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GGNN-GDTX) hiện có 22 người, trong đó có 07 người phụ trách giáo dục nghề nghiệp. Hàng năm, đội ngũ giáo viên thường xuyên được tham gia học tập, bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

iv) *Phát triển xây dựng chương trình, giáo trình.* Trong giai đoạn 2010-2016 trung tâm GGNN-GDTX được phép tổ chức đào tạo 25 nghề theo giấy phép hoạt động dạy nghề, từ năm 2017-2019 sáp nhập trung tâm GGNN-GDTX được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp với 11 nghề. Tất cả các nghề đều có chương trình, giáo trình dạy nghề để tổ chức đào tạo.

v) *Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề cho lao động nông thôn.* Cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề

của Trung tâm GDN\`-GDTX huyện được trang bị cùng với việc đầu tư trang thiết bị dạy học, được tăng cường đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng. Tuy nhiên, có một số máy móc thiết bị đến nay đã bị hỏng, một số đã lỗi thời không còn phù hợp với công nghệ đặc biệt là công nghệ hiện đại ngày nay. Kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy nghề trong 10 năm 2010 - 2019 là 3 tỷ đồng từ nguồn ngân sách trung ương và kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất là 886 triệu đồng từ nguồn ngân sách huyện.

vi) *Mô hình điển hình trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn.* Mô hình điển hình tạo nghề cho LĐNT được tổ chức thực hiện với 02 lớp tổng số 70 học viên, gồm: 01 lớp Trồng, chăm sóc, chế biến, bảo quản chè sau thu hoạch tổng số 35 học viên; 01 lớp Kỹ thuật trồng cà chua an toàn tổng số 35 học viên. Các mô hình thi điểm bước đầu giúp cho LĐNT có khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, thâm canh tăng vụ, tăng mức thu nhập, cải thiện đời sống.

3. Đánh giá về công tác đào tạo nghề cho LBNT tại huyện Đại Từ

3.1. Kết quả đạt được trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT

Sau khi tham gia các lớp dạy nghề, nhiều LĐNT đã tiếp thu và ứng dụng vào thực tế sản xuất của hộ gia đình, trồng trọt, phát triển đàn vật nuôi, giống mới cho năng suất tốt, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế xã hội đã từng bước nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề, gắn với giải quyết việc làm. Công tác dạy nghề, giải quyết việc làm từng bước được xã hội hóa...

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác đào tạo nghề cho LĐNT còn một số hạn chế sau:

Số lượng các lớp đào tạo nghề và tập huấn khuyến nông còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, chất lượng đào tạo chưa cao, chưa có các lớp đào tạo dài hạn, trình độ cao đẳng.

Công tác đào tạo nghề chưa thực sự gắn với nhu cầu. Kết quả điều tra, khảo sát chưa sát với nhu cầu học tập của người dân. Thời điểm khảo sát và thời điểm tiến hành mở lớp cách xa nhau. Một bộ phận người dân đăng ký theo học nhưng chưa phát huy được các kiến thức vào thực tế, sản xuất kinh doanh, không tìm được việc làm phù hợp, ổn định. Một số LĐNT tham gia đào tạo xong vẫn áp dụng các phương thức sản xuất cũ nên không phát triển được kinh tế và không giải quyết được việc làm.

Quá trình tuyên truyền, vận động, truyền thông về đào tạo nghề cho LĐNT chưa thường xuyên, liên tục, nội dung tuyên truyền chưa phong phú và thu hút được nhiều người quan tâm chú ý.

Kinh phí dành cho học tập bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề rất hạn chế, phần lớn cán bộ giáo viên phải chủ động lo kinh phí học tập. Chưa ít chức được các lớp học tập, chuyển giao công nghệ hiện đại cho giáo viên, cán bộ quản lý. Không có kinh phí để tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình, thuê chuyên gia tư vấn, phân biện và thẩm định. Máy móc thiết bị đã được đầu tư từ lâu, một số máy móc thiết bị đến nay đã hỏng, cũ kỹ, lạc hậu so với công nghệ, không còn phù hợp với giai đoạn hiện nay. Việc huy động xã hội hóa trong đào tạo nghề còn hạn chế, chưa thực hiện được.

4. Giải pháp đẩy mạnh hiệu quả công tác đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn huyện Đại Từ

4.1. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng các lớp đào tạo nghề cho LĐNT

Qua số liệu thống kê số lượng LĐNT trên địa bàn huyện Đại Từ qua đào tạo còn ít (dưới 10% số LĐNT), các lớp đào tạo nghề với những nghề đơn giản thuộc lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi, thời gian đào tạo nghề ngắn nên học viên sau khi học nghề trình độ vẫn còn thấp, chủ yếu phục vụ cho nhu cầu của gia đình, chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp. Vì vậy, chính quyền địa phương cần thực hiện công tác thông tin tuyên truyền sâu rộng về vai trò, ý nghĩa của công tác đào tạo nghề đối với sự phát triển kinh tế của người dân địa phương. Cần mở rộng quy mô các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bồi dưỡng mở thêm các nghề mới như sửa chữa xe máy, điện, điện dân dụng, cơ khí,...

4.2. Đẩy mạnh tập huấn khuyến nông, nhân rộng các mô hình thi điểm hiệu quả

Công tác điều tra, lồng ghép ý kiến, khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo của LĐNT phải bám sát với tình hình thực tế. Cần tổ chức thực hiện các lớp tập huấn khuyến nông với từng chuyên đề cụ thể và thời gian tập huấn dài hơn để người dân có thể nắm rõ được kỹ thuật mới trong buổi tập huấn. Nhân rộng các mô hình điểm có hiệu quả cao để khuyến khích người dân theo học (kỹ thuật trồng cà chua an toàn, kỹ thuật chăm sóc, chế biến, bảo quản chè sau thu hoạch...).

4.3. Kết hợp với các doanh nghiệp trong việc gắn đào tạo và giải quyết việc làm cho LĐNT

Gắn kết chặt chẽ cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, các làng nghề, hợp tác xã để phối hợp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động sau đào tạo. Nắm bắt xu thế phát triển chung của xã hội và của khoa học kỹ thuật trong việc tổ chức các lớp học tập, bồi dưỡng với nội dung thiết thực, hiệu quả, lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo cũng như biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo nghề.

ngay từ đầu năm để các đơn vị chủ động tuyển sinh đào tạo. Bên cạnh nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước nên thu hút nguồn tài trợ từ các doanh nghiệp trong việc đào tạo nghề cho LĐNT. Việc kết hợp với các doanh nghiệp trong việc đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp cũng là một hướng xã hội hóa mà chính quyền địa phương nên áp dụng một cách linh hoạt trong bối cảnh kinh tế thị trường hội nhập hiện nay.

5. Kết luận

Để có được nguồn lao động chất lượng, có việc làm thường xuyên, chính quyền huyện Đại Từ đã thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT, sử dụng có hiệu quả mức kinh phí hỗ trợ để tổ chức thực hiện các lớp đào tạo nghề trên địa bàn huyện. Trên cơ sở những phân tích, đánh giá và chỉ rõ những hạn chế, nguyên nhân còn tồn tại trong công tác đào tạo nghề cho LĐNT, tác giả đã đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT. Những giải pháp trên nhằm góp phần khắc phục những tồn tại, hạn chế, phục vụ các mục tiêu dài hạn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo

Phòng Lao động — Thương binh và Xã hội huyện Đại Từ, Báo cáo kết quả giải quyết việc làm, đào tạo nghề từ năm 2010 đến hết năm 2018

Phòng Lao động — Thương binh và Xã hội huyện Đại Từ, Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ

Phòng Lao động — Thương binh và Xã hội huyện Đại Từ, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 lĩnh vực đào tạo nghề, lao động, việc làm, giảm nghèo, phòng chống TNXH, an sinh xã hội.

Lê Thanh Hà (chủ biên) (2011), Giáo trình Quản trị nhân lực, Nxb Lao động - Xã hội

1-4 Sử dụng hiệu quả kinh phí đào tạo

Nguồn kinh phí đào tạo cho LĐNT cần được cấp